

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2026

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đan Th, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 1 Mỹ Y, xã Mỹ Y, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4 Mỹ Y, xã Mỹ Y, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đan Th trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Nguyễn Thị Đan Th và ông Lê Hoàng T tiến đến hôn nhân; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Y, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/8/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.
- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Th và ông T không có con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ghi ý kiến của bị đơn ông Lê Hoàng T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tuy nhiên, bị đơn ông T cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung đối với ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về ly hôn”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Hoàng T có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Y, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bà Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông T.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Th thấy rằng: Bà Th và ông T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Y, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/8/2012 nên hôn nhân giữa bà Th và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do bà Th và ông T bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra giải pháp đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt, phần nào thể hiện ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[5]. Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Th và ông T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đan Th đối với ông Lê Hoàng T về tranh chấp ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đan Th được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đan Th phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 000.7740 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông